

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch
Ông Lê Việt Đức	Thành viên
Bà Phạm Thị Lam Hồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)

Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Lam Hồng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Phạm Thị Lam Hồng	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Tổng Giám đốc,



Phạm Thị Lam Hồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Số: 156 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 04 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

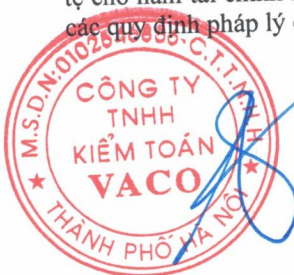
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 3652-2026-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.192.282.904	29.371.257.671
I. Tiền	110		2.361.856.910	12.649.502.081
1. Tiền	111	5	2.361.856.910	12.649.502.081
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.904.031.727	12.504.651.184
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.593.366.732	4.644.448.750
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.074.991.205	3.327.711.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.208.670.938	4.505.488.582
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		27.002.852	27.002.852
III. Hàng tồn kho	140		856.586.600	993.134.322
1. Hàng tồn kho	141	9	856.586.600	993.134.322
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.069.807.667	3.223.970.084
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	4.877.045.706	2.193.567.334
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.192.761.961	1.030.402.750
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.008.172.188	33.711.708.555
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	579.666.372
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	579.666.372
II. Tài sản cố định	220		27.522.973.783	27.922.872.006
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.955.948.682	16.272.513.577
- Nguyên giá	222		42.694.759.016	39.445.783.676
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.738.810.334)	(23.173.270.099)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	11.567.025.101	11.650.358.429
- Nguyên giá	228		11.872.500.000	11.872.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(305.474.899)	(222.141.571)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	277.850.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	-	277.850.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.485.198.405	4.931.320.177
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.485.198.405	4.931.320.177
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		62.200.455.092	63.082.966.226

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.765.662.696	4.637.967.402
I. Nợ ngắn hạn	310		3.765.662.696	4.637.967.402
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	774.016.589	1.036.407.477
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	859.271.043	993.074.347
4. Phải trả người lao động	314		352.070.400	638.322.456
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	99.603.169	337.845.277
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.650.701.495	1.632.317.845
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.434.792.396	58.444.998.824
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	58.434.792.396	58.444.998.824
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.650.040.000	50.590.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.650.040.000	50.590.980.000
	412		(310.890.000)	(310.890.000)
2. Thặng dư vốn cổ phần	421		3.095.642.396	8.164.908.824
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a		576.299.824	4.257.892.634
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a			
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.519.342.572	3.907.016.190
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		62.200.455.092	63.082.966.226



Phạm Thị Lam Hồng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2025

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Bùi Thị Khánh Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	42.654.427.179	41.719.645.246
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		42.654.427.179	41.719.645.246
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	27.668.126.509	27.173.005.786
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.986.300.670	14.546.639.460
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.140.740	15.363.661
6. Chi phí tài chính	22	22	337.482.973	167.333.513
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		337.482.973	167.333.513
7. Chi phí bán hàng	25	23	5.395.131.837	3.839.515.412
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	5.772.370.853	5.625.145.794
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.484.455.747	4.930.008.402
10. Thu nhập khác	31		386.300	2.420.557
11. Chi phí khác	32		271.718.201	38.926.977
12. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(271.331.901)	(36.506.420)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.213.123.846	4.893.501.982
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	693.781.274	986.485.792
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.519.342.572	3.907.016.190
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	453	796



Phạm Thị Lam Hồng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2025

Thanh

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

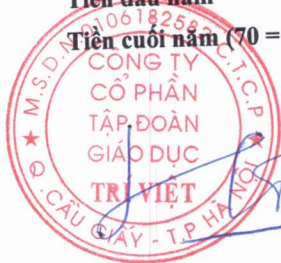
Alcy

Bùi Thị Khánh Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.213.123.846	4.893.501.982
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.746.312.850	3.307.969.873
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	143.080.633	(15.363.661)
- Chi phí lãi vay	06	337.482.973	167.333.513
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.440.000.302	8.353.441.707
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.982.073.382)	(564.690.138)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(17.132.278)	(333.077.322)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(376.169.988)	(2.217.342.809)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.854.506.600)	(2.260.344.917)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(337.482.973)	(167.333.513)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.036.235.992)	(1.001.129.404)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.163.600.911)	1.809.523.604
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.857.636.000)	(4.072.579.123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	260.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.140.740	15.363.661
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.594.495.260)	(4.057.215.462)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	11.880.090.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	11.531.256.421	6.975.758.187
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.531.256.421)	(6.975.758.187)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.529.549.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.529.549.000)	11.880.090.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(10.287.645.171)	9.632.398.142
Tiền đầu năm	60	12.649.502.081	3.017.103.939
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	2.361.856.910	12.649.502.081



Phạm Thị Lam Hồng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2025

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Bùi Thị Khánh Huyền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0106182582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 11 tháng 8 năm 2025. Vốn điều lệ của Công ty là 55.650.040.000 VND, tương ứng với 5.565.004 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn chứng khoán HNX với mã cổ phiếu là CAR.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 72 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 58 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; và
- In ấn.

Hoạt động chính của Công ty là các loại hình giáo dục và đào tạo.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Ngày 04 tháng 11 năm 2024, Công ty thành lập Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu hạch toán phụ thuộc theo Nghị quyết số 411/2024/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị. Người đứng đầu Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu là Ông Ninh Bảo Khánh. Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu có địa chỉ tại 170/2 Bình Giã, Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 09 năm 2025, Công ty thành lập Chi nhánh Phú Thọ hạch toán phụ thuộc theo Quyết định số 99/2025/QĐ-HĐQT/TV của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đứng đầu Chi nhánh Phú Thọ là Ông Ninh Bảo Khánh. Chi nhánh Phú Thọ có địa chỉ tại số 129 đường Minh Lang, Phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đào tạo tập huấn chương trình STEM được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 12 tháng.
- Chi phí cải tạo văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.
- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác là các chi phí thuê mặt bằng, phần mềm kế toán,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất tại Khu đô thị Xuân Phương, chương trình phần mềm và phần mềm máy tính.

Chương trình phần mềm và phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

Quyền sử dụng đất lâu dài tại Khu đô thị Xuân Phương Công ty không trích khấu hao.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan trong năm của Công ty:

Các bên liên quan

Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Mối quan hệ

Lãnh đạo chủ chốt

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.998.684.545	2.426.733.886
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	363.172.365	10.222.768.195
Cộng	2.361.856.910	12.649.502.081

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trung tâm phòng, chống Tai nạn Thương tích Trẻ em	2.632.741.750	2.768.022.250
Công ty Cổ Phần Giáo Dục Và Tổ Chức Sự Kiện Tâm Tín Thành	1.521.085.921	-
Các đối tượng khác	1.439.539.061	1.876.426.500
Cộng	5.593.366.732	4.644.448.750

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn FTA	1.844.995.919	1.891.245.269
Công ty TNHH An Phước Thái	220.257.948	471.665.375
Công ty TNHH Tổng hợp Thương mại & Dịch vụ Hoàng Ngân	52.369.940	183.566.360
Các đối tượng khác	957.367.398	781.233.996
Cộng	3.074.991.205	3.327.711.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	6.208.670.938	4.505.488.582
Tạm ứng	867.692.038	750.650.622
Ký quỹ, ký cược (i)	294.132.900	83.000.000
Phải thu đại lý (ii)	5.046.846.000	3.671.837.960
b) Dài hạn	-	579.666.372
Tạm ứng	-	35.150.000
Ký quỹ, ký cược	-	544.516.372

Ghi chú:

- (i) Bao gồm khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Trung tâm Thương mại Imperia Garden, Thanh Xuân, Hà Nội theo Hợp đồng số A2B+B2B/IPG/TTTM/HDT ký ngày 17 tháng 5 năm 2018, thời hạn thuê 5 năm từ ngày 24 tháng 6 năm 2018. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hai bên đã hết hợp đồng thuê, số tiền 75.000.000 VND là khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Hưng Phát tạm giữ lại để thực hiện công việc hoàn trả mặt bằng về nguyên trạng ban đầu.

Khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Trung tâm Thương mại Homecity Trung Kính theo Hợp đồng số 37/HĐ-TTTM-HOMECITY ký ngày 16 tháng 12 năm 2016. Phụ lục hợp đồng thuê số 09 gia hạn thời gian thuê đến ngày 31 tháng 10 năm 2026.

- (ii) Khoản phải thu các đại lý tiền bán khóa học và các chương trình kỹ năng sống do đại lý thu tiền từ khách hàng.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.552.400	-	252.888.004	-
Công cụ, dụng cụ	808.034.200	-	740.246.318	-
Cộng	856.586.600	-	993.134.322	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.877.045.706	2.193.567.334
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.442.506.550	1.523.120.435
Chi phí đào tạo tập huấn chương trình STEM (i)	1.500.063.750	-
Các khoản khác	1.934.475.406	670.446.899
b) Dài hạn	10.485.198.405	4.931.320.177
Chương trình STEM số hóa Trí Việt (ii)	380.267.303	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	821.981.569	641.055.550
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.667.127.330	2.891.923.154
Các khoản khác	1.615.822.203	1.398.341.473

Ghi chú:

- (i) Là chi phí Công ty chi trả cho Trung tâm phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em (Trung tâm) để Trung tâm chuẩn bị và thực hiện chương trình “Đào tạo tập huấn chương trình STEM cho Giáo viên các trường”.
- (ii) Là chương trình phần mềm quản lý khoa học phát triển ứng dụng dạy học cho giảng viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	34.869.457.103	4.576.326.573	39.445.783.676
Mua trong năm	1.530.000.000	2.222.636.000	3.752.636.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(411.836.364)	(411.836.364)
Giảm do hỏng	-	(91.824.296)	(91.824.296)
Số cuối năm	36.399.457.103	6.295.301.913	42.694.759.016
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	21.126.680.877	2.046.589.222	23.173.270.099
Khấu hao trong năm	2.625.809.357	1.037.170.165	3.662.979.522
Thanh lý, nhượng bán	-	(74.483.227)	(74.483.227)
Giảm do hỏng	-	(22.956.060)	(22.956.060)
Số cuối năm	23.752.490.234	2.986.320.100	26.738.810.334
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	13.742.776.226	2.529.737.351	16.272.513.577
Số cuối năm	12.646.966.869	3.308.981.813	15.955.948.682

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 17.319.308.352 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 13.152.771.962 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao, không sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.155.888.390 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.155.888.390 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	11.487.500.000	385.000.000	11.872.500.000
Số cuối năm	11.487.500.000	385.000.000	11.872.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	222.141.571	222.141.571
Khấu hao trong năm	-	83.333.328	83.333.328
Số cuối năm	-	305.474.899	305.474.899
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	11.487.500.000	162.858.429	11.650.358.429
Số cuối năm	11.487.500.000	79.525.101	11.567.025.101

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 135.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 135.000.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chương trình STEM số hóa Trí Việt	-	277.850.000
Cộng	-	277.850.000

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Trung tâm Điện ảnh Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam	205.900.000	205.900.000	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Hỗ trợ Giáo dục Việt Nam	184.505.500	184.505.500	256.982.500	256.982.500
Công ty TNHH KOVIF	88.124.340	88.124.340	88.124.340	88.124.340
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thực phẩm Tâm An	50.300.740	50.300.740	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long	-	-	394.881.896	394.881.896
Trường quay Cổ Loa	-	-	52.700.000	52.700.000
Các đối tượng khác	245.186.009	245.186.009	243.718.741	243.718.741
Cộng	774.016.589	774.016.589	1.036.407.477	1.036.407.477

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	910.023.973	693.781.274	1.036.235.992	567.569.255
Thuế thu nhập cá nhân	82.786.603	331.487.079	122.571.894	291.701.788
Các loại thuế khác	263.771	38.152.595	38.416.366	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	89.741.747	89.741.747	-
Cộng	993.074.347	1.153.162.695	1.286.965.999	859.271.043

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền thu trước học phí của các học viên	99.603.169	337.845.277
Cộng	99.603.169	337.845.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	52.142.000	52.142.000
Bảo hiểm xã hội	35.158.400	31.091.200
Phải trả, phải nộp khác:	1.563.401.095	1.549.084.645
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Minh An (i)	863.440.869	863.440.869
- Công ty Cổ phần ATK Châu Á (i)	388.600.000	388.600.000
- Ông Đặng Ngọc Trinh (i)	296.000.000	296.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.360.226	1.043.776
Cộng	1.650.701.495	1.632.317.845

Ghi chú:

- (i) Hợp tác liên doanh thực hiện dự án ATK - Khu di tích Lịch sử - Sinh thái Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên liên doanh ba bên gồm Công ty, Công ty Cổ phần ATK Châu Á và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Minh An với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 3,2 tỷ VND, 2,4 tỷ VND và 2,4 tỷ VND (trên tổng số vốn đầu tư dự án là 8 tỷ VND). Dự án được đăng ký thời gian hoạt động là 5 năm, Lãi/lỗ của dự án được chia theo tỷ lệ góp vốn giữa các bên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các bên chưa góp đủ vốn theo hợp đồng liên quan, dự án đã đi vào hoạt động nhưng chưa ổn định nên các bên đã có Văn bản thỏa thuận ngày 05 tháng 01 năm 2024, các bên đồng ý chưa thực hiện phân chia lãi lỗ và rủi ro theo đúng tỷ lệ góp vốn.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.590.980.000	(310.890.000)	10.657.892.634	61.248.872.634
Lãi trong năm	-	-	3.907.016.190	3.907.016.190
Phân phối lợi nhuận	-	-	(6.400.000.000)	(6.400.000.000)
Số dư đầu năm nay	50.590.980.000	(310.890.000)	8.164.908.824	58.444.998.824
Lãi trong năm nay	-	-	2.519.342.572	2.519.342.572
Phân phối lợi nhuận (i)	5.059.060.000	-	(7.588.609.000)	(2.529.549.000)
Số dư cuối năm nay	55.650.040.000	(310.890.000)	3.095.642.396	58.434.792.396

Ghi chú:

- (i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và chi cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 25 tháng 4 năm 2025 như sau:
- Chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ thực hiện: 5%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 500 đồng), theo đó số tiền để chi trả cổ tức là 2.529.549.000 VND.
 - Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện: 10:01, số cổ phiếu dự kiến phát hành để chi trả là 505.909 cổ phiếu. Ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã phát hành thành công và lưu ký bổ sung 505.906 cổ phiếu (03 cổ phiếu lẻ được làm tròn xuống và hủy bỏ) theo thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, nâng tổng số lượng cổ phiếu lưu ký là 5.565.004 cổ phiếu.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 795/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung số cổ phiếu nêu trên ngày 15 tháng 7 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 11 tháng 8 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 50.590.980.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Bà Nguyễn Thùy Thương	8.849.500.000	15,90%	8.045.000.000	15,90%
Công ty Cổ phần Fibo Invest	10.137.600.000	18,22%	9.216.000.000	18,22%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn IB Plus	8.536.000.000	15,34%	7.760.000.000	15,34%
Các cổ đông khác	28.126.940.000	50,54%	25.569.980.000	50,54%
Cộng	55.650.040.000	100%	50.590.980.000	100%

19. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	42.654.427.179	41.719.645.246
Cộng	42.654.427.179	41.719.645.246

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đào tạo	27.668.126.509	27.173.005.786
Cộng	27.668.126.509	27.173.005.786

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.740.499.270	7.511.814.931
Chi phí nhân công	9.220.299.521	8.200.916.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.746.312.850	3.307.969.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.278.174.333	14.298.119.621
Chi phí khác bằng tiền	2.850.343.225	3.318.846.295
Cộng	38.835.629.199	36.637.666.992

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	337.482.973	167.333.513
Cộng	337.482.973	167.333.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.801.547.355	2.559.569.553
Chi phí đồ dùng văn phòng	269.310.813	181.340.372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	405.826.885	440.890.332
Thuế, phí và lệ phí	16.481.515	21.359.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	374.337.191	421.340.370
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.904.867.094	2.000.645.237
Cộng	5.772.370.853	5.625.145.794
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.479.447.456	2.104.392.953
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	280.049.236	44.503.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.050.768	64.432.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.938.918.938	1.273.352.327
Các khoản chi phí bán hàng khác	686.665.439	352.834.323
Cộng	5.395.131.837	3.839.515.412

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.213.123.846	4.893.501.982
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	125.518.828	38.926.977
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	125.518.828	38.926.977
- Các khoản phạt chậm nộp	114.252.257	-
- Các khoản khác	11.266.571	38.926.977
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.338.642.674	4.932.428.959
Thu nhập tính thuế	3.338.642.674	4.932.428.959
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	567.569.255	986.485.792
Thuế TNDN truy thu của các năm trước (i)	126.212.019	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	693.781.274	986.485.792

Ghi chú:

- (i) Điều chỉnh tăng thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2023 và 2024 theo biên bản thanh tra thuế ngày 29 tháng 09 năm 2025.

Trong năm, ngoài khoản chi phí không được trừ 125.518.828 VND, Công ty đánh giá không có khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ nào cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.519.342.572	3.907.016.190
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.519.342.572	3.907.016.190
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (i)	5.565.004	4.907.025
Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	453	796

Hiện tại, theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty, Công ty giữ lại lợi nhuận chưa phân phối của năm 2024. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện: 10:01, số cổ phiếu dự kiến phát hành để chi trả là 505.909 cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 25 tháng 4 năm 2025. Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã phát hành thành công và lưu ký bổ sung 505.906 cổ phiếu (03 cổ phiếu lẻ được làm tròn xuống và hủy bỏ) theo thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, nâng tổng số lượng cổ phiếu lưu ký là 5.565.004 cổ phiếu. Do đó, số cổ phiếu tăng thêm được tính bình quân từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm 2024 là 4.907.025 cổ phiếu (số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân năm trước trình bày lại là 4.402.917 cổ phiếu, Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước trình bày lại là 887 VND).

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào	1.936.092.882	2.338.137.202
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm		

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	887.952.000	1.811.785.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	391.738.816	-

Các hợp đồng thuê văn phòng bao gồm:

- Khoản thuê văn phòng tại Trung tâm Thương mại Homecity Trung Kính theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 37/HĐ-TTTM-HOMECITY ký ngày 16 tháng 12 năm 2022. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Văn Phú, thời hạn thuê 24 tháng. Phục lục số 09 gia hạn thời gian đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2026. Đơn giá thuê trong suốt thời gian thuê: Thuê văn phòng: 48.703.200 VND/tháng; Phí dịch vụ: 18.732.000 VND/tháng.
- Khoản thuê văn phòng tại Căn hộ B8 - Nhà B9 khu ĐTM Mỹ Đình 1 theo Hợp đồng thuê nhà với Bà Trần Thị Thu Hiền. Thời hạn thuê 4 năm 10 tháng từ ngày 01 tháng 5 năm 2025. Đơn giá thuê được bên cho thuê điều chỉnh tăng hoặc giảm 2 năm 1 lần, mỗi lần điều chỉnh không vượt quá 10% so với giá thuê cũ gần nhất, đơn giá tại thời điểm ký hợp đồng là 10.300.000 VND/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có ký các hợp đồng thuê văn phòng với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Văn Phú, Công ty đã xây dựng cơ sở hạ tầng trên diện tích thuê này, trong hợp đồng thuê không quy định rõ về nghĩa vụ hoàn nguyên địa điểm thuê. Do đó, Tổng Giám đốc đánh giá là Công ty có thể phát sinh nghĩa vụ trong tương lai khi hết hạn thuê đất liên quan đến tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu. Nghĩa vụ này chỉ có thể được xác định rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai như thỏa thuận với bên cho thuê đất hoặc Cơ quan chức năng ban hành các quy định pháp luật quy định về nghĩa vụ hoàn nguyên của bên đi thuê đất. Do đó, Công ty chưa ghi nhận khoản chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2025.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập, thù lao Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	594.000.000	394.946.809
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	365.648.708
Bà Phạm Thị Lam Hồng	Thành viên Hội đồng Quản trị,	63.369.412	163.983.236
	Tổng Giám đốc		
Bà Đào Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	142.724.998	36.000.000
		Năm nay	Năm trước
		Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số cổ phiếu cổ tức nhận được từ công ty		99,410	192,500
Bà Nguyễn Thùy Thương		80,450	160,900
Bà Đào Thị Thanh Hà		18,960	31,600
Số cổ tức bằng tiền nhận được từ công ty		472,197,500	-
Bà Nguyễn Thùy Thương		382,137,500	-
Bà Đào Thị Thanh Hà		90,060,000	-

29. THÔNG TIN BỔ SUNG

Công ty ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3110/HĐHTKD-2024 ngày 31 tháng 10 năm 2024 với Bà Phạm Thị Lan Anh nhằm hợp tác kinh doanh văn phòng Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu ở địa chỉ thuộc quyền sở hữu của Bà Phạm Thị Lan Anh tại 170/2 Bình Giã, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) - nay là thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn hợp tác kinh doanh từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 22 tháng 6 năm 2029. Hai bên phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận hàng năm dựa trên kết quả kinh doanh thực tế và được trả vào cuối mỗi tháng. Tính đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu đang hoàn thiện các thủ tục vận hành nên chưa có kết quả kinh doanh để phân chia lợi nhuận.

Công ty đã thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành vốn năm 2024 từ việc hợp tác liên kết 1 khu giáo dục trải nghiệm với Công ty Cổ phần Tập đoàn Rolling Hill để hợp tác các hoạt động trải nghiệm và đào tạo giáo dục ngoài trời, team building tại khu đất Rolling Hill, xã Yên Bài, huyện Ba Vì của Công ty Cổ phần Tập đoàn Rolling Hill; nay chuyển sang ký kết Hợp đồng hợp tác chiến lược số 025-25/HĐHTCL/TV-TL ngày 02 tháng 5 năm 2025 và Phụ lục hợp đồng 02 ngày 10 tháng 06 năm 2025 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thăng Long để hợp tác các hoạt động trải nghiệm và đào tạo giáo dục ngoài trời, team building tại Resort Suối khoáng nóng Cúc Phương - Nho Quan (cũ) - Ninh Bình. Thời hạn hợp tác là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng; Lợi nhuận mỗi bên được tính độc lập dựa trên doanh thu chi phí của mỗi đơn vị. Doanh thu và chi phí của Công ty Thăng Long liên quan đến: Phí thuê lưu trú, Phí dịch vụ ăn uống, Phí thuê mặt bằng, hội trường, phòng họp, và các tiện ích khác. Doanh thu và chi phí của Công ty liên quan đến: Phí tham gia chương trình giáo dục, Phí khóa học, phí hoạt động đào tạo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. THÔNG TIN BỔ SUNG (TIẾP THEO)**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 254/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 254/2025/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2025, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành được thay đổi và thực hiện như sau:

STT	Hạng mục sử dụng vốn	Số tiền (VND)	Ghi chú
1	Hợp tác liên kết 1 khu giáo dục trải nghiệm	4.090.980.000	
1.1	Hợp tác liên kết 1 khu giáo dục trải nghiệm	3.401.524.708	(i)
1.2	Mua sắm giáo cụ, học liệu, công cụ dụng cụ để trang bị thành lập 01 Trung tâm bồi dưỡng kỹ năng sống	689.455.292	(i)
2	Mua sắm giáo cụ, học liệu để tổ chức các hoạt động trải nghiệm tại Hà Nội và các tỉnh	8.100.000.000	
2.1	Mua sắm giáo cụ, học liệu để tổ chức các hoạt động trải nghiệm	5.800.000.000	(i)
2.2	Mua sắm giáo cụ, học liệu, công cụ dụng cụ để trang bị thành lập Trung tâm bồi dưỡng kỹ năng sống và một số cơ sở liên kết, trường học	2.300.000.000	(ii)
	Cộng	12.190.098.000	

Ghi chú:

- (i) Thay đổi mục đích sử dụng vốn đã được Hội đồng Quản trị báo cáo và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- (ii) Thay đổi mục đích sử dụng vốn được Hội đồng Quản trị quyết định và công bố thông tin theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 254/2025/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kỳ tới.



Phạm Thị Lam Hồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Bùi Thị Khánh Huyền
Người lập biểu